

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 705/2022/DS-PT

Ngày 29 tháng 9 năm 2022

V/v: Đòi lại quyền sử dụng đất cho
mượn, buộc tháo dỡ công trình xây
dựng, yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Huyền Vân

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2022/TLPT-DS ngày
07 tháng 7 năm 2022 về việc “Đòi lại quyền sử dụng đất cho mượn, buộc tháo dỡ
công trình xây dựng, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2021/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2021
của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4161/2022/QĐPT-DS ngày 08
tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Ngọc D, sinh năm 1950, cư trú: số 635, ấp Bình
Thạnh 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh
năm 1983, cư trú: số 477A/24, khóm Bình Thới 3, phường B, thành phố L, tỉnh
An Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/11/2020) (có mặt)

Bị đơn: Bà Đinh Ngọc H, sinh năm 1960, cư trú: ấp An Thái, xã H, huyện
C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Đinh Thị Ngọc H, sinh năm 1961, cư trú: khóm Bình Thạnh 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/11/2014) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lại Văn G - Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Tấn Thành thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: Số 32, đường Bạch Đằng, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang. Trụ sở: ấp Thị, thị trấn Chợ Mới, huyện C, tỉnh An Giang;

- Anh Lê Văn Th, sinh năm: 1990;

- Ông Lê Văn H, sinh năm: 1958;

- Chị Lê Thị Thúy H, sinh năm: 1986;

Cùng cư trú: ấp An Thái, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, anh Th, chị H: Bà Đinh Thị Ngọc H, sinh năm 1961, cư trú: khóm Bình Thạnh 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/02/2021) (có mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn Ông Bùi Ngọc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 11/7/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ông Bùi Ngọc D có ông Nguyễn Văn Ph trình bày:

Ông Bùi Ngọc D được sử dụng phần đất có diện tích 1.761,90m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số 05147 ngày 09/12/2002, do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp, đất có nguồn gốc là do ông bà để lại. Vào năm 2011, bà Đinh Ngọc H là cháu ruột gọi ông bằng cậu có hỏi “mượn” một phần diện tích đất của ông để trồng bông và ông đã đồng ý. Khi sử dụng phần đất này bà H có cất một căn nhà tạm bằng gỗ tạp, mái tol, vách ván, diện tích ngang 4m, dài 15m để chăm sóc bông. Do ông sinh sống ở Lấp Vò nên không thường xuyên về để kiểm tra, theo dõi việc sử dụng đất của bà H, nên vào tháng 4/2018 bà H tự ý trồng trên đất của ông 30 cây xoài Đài Loan. Vào tháng 02/2019 khi ông về thăm đất nên mới phát hiện, ông yêu cầu bà H nhổ bỏ nhưng bà H không đồng ý.

Ngoài ra ông cũng trình bày thêm: Vào năm 2006 ông H - chồng của bà H đã làm hợp đồng thuê đất với ông D mà ông đã cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Trong hợp đồng thuê đất không có điều khoản cho phép bà H được xây nhà. Tuy nhiên, do điều kiện ông D sinh sống ở Lấp Vò, Đồng Tháp nên việc ông H, bà H cất nhà trên đất ông D không biết, đến khi phát hiện thì bà H đã xây dựng xong. Mục đích bà H thuê đất của ông D là để trồng bông (hoa), nhưng bà H vi phạm hợp đồng trồng xoài và bản thân ông D cũng không hay biết.

Nay ông xác định bà H đang sống trong căn nhà này cùng với chồng và các người con của mình bao gồm ông Lê Văn H, anh Lê Văn Th, chị Lê Thị Thúy H, nên ông yêu cầu bà H cùng ông H, anh Th, chị H phải di dời nhà đi nơi khác và trả lại đất cho ông phần đất có diện tích 1.761,9m² ở các điểm 1,2,3,4,5,6,7 theo “sơ đồ hiện trạng khu đất” ngày 09/09/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh Chợ Mới. Ngoài ra bà H phải di dời toàn bộ các cây trồng trên đất của ông.

Bị đơn bà Đinh Ngọc H do bà Đinh Thị Ngọc H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà là người đại diện theo ủy quyền nhưng cũng là chị ruột của bà Đinh Ngọc H: Về nguồn gốc đất là của ông, bà ngoại để lại cho mẹ bà là bà Bùi Thị Hồng. Bà ngoại có tất cả 06 người con, ông D là cậu ruột của bà – là con thứ năm trong gia đình, mẹ bà thứ hai. Ông ngoại bà ông Bùi Văn Đ chết năm 1988, bà ngoại Lê Thị Lành, chết năm 1995.

Khi ông bà ngoại chết không để lại di chúc, vào năm 1970 ông bà ngoại đã cho mẹ bà phần đất này. Vào thời điểm này thì đất còn hoang hóa, ông bà ngoại thì sinh sống ở Lấp Vò, Đồng Tháp. Đến năm 1970 mẹ bà từ Chợ Mới về Hội An cất nhà sinh sống từ đó đến nay.

Căn nhà trên đất mà hiện nay ông D yêu cầu di dời mẹ bà đã cất và ở năm 1970, đến năm 1976 bị cháy và cất lại khi đó chỉ là nhà tre, lợp lá. Vào những năm 1980 nhưng chính xác năm nào thì không nhớ, em bà là Đinh Ngọc H đã nâng cấp sửa chữa căn nhà cũ như hiện tại hôm nay nhà bằng cây thao lao, lợp thiếc, lát nền gạch, vách thiếc. Khi sửa chữa lại nhà thì không có ai đứng ra tranh chấp, ngăn cản. Hiện tại bà H đang sinh sống trên căn nhà cùng chồng là ông H và các con Lê Văn Th, Lê Thị Thúy H. Trên đất bà H có trồng các cây trồng như xoài, cóc, chanh, bưởi, mận, măng cầu, thời gian trồng trên 10 năm. Khi trồng cây thì không có ai tranh chấp. Khi nguyên đơn ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chị em bà hoàn toàn không ai biết, ông D không có quá trình sử dụng đối với phần đất này vì ông sinh sống ở Lấp Vò, Đồng Tháp. Việc ông D cung cấp hợp đồng thuê đất thì hợp đồng này chỉ ký giữa ông H và ông D, ông H chỉ là rể về ở cùng với gia đình, chứ không có liên quan đến quá trình sử dụng đất của bà H.

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D, đồng thời yêu cầu hủy bỏ GCNQSDĐ số 05147 ngày 09/12/2002, do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp cho Ông Bùi Ngọc D, vì việc cấp giấy này đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Người làm chứng ông Bùi Ngọc Giao và bà Bùi Thị Thu Hà có nội dung trình bày: Ông bà là anh, em ruột của ông Bùi Ngọc D là cậu và dì ruột của Bà Đinh Ngọc H, về nội dung trình bày ông bà có ý kiến: Nguồn gốc đất là của mẹ ông bà là bà Lê Thị L để lại cho Ông Bùi Ngọc D làm đất hương quả, ông D làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất từ rất lâu nhưng chính xác năm nào thì không nhớ. Nhân dịp đám giỗ dì ruột của ông bà nhưng năm nào thì không

nhớ, chồng bà H là ông Lê Văn H có hỏi thuê đất của Ông Bùi Ngọc D để trồng hoa huệ. Vào thời điểm đó có ông bà chứng kiến và có ký xác nhận việc ông D có cho ông H thuê đất như nội dung Tờ hợp đồng thuê vườn đất mà Tòa án đã đưa cho ông bà xem.

Vào ngày 03/06/2021 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành công văn số 1075/UBND-NC trả lời cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang với nội dung: “...Tại thời điểm Ông Bùi Ngọc D kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì diện tích đất trên do bà Đinh Ngọc H quản lý và sử dụng ổn định từ trước đó rất lâu cho nên việc cấp GCNQSDĐ số 05147 diện tích 1761,9m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 60, thửa số 19 do Ông Bùi Ngọc D đứng tên là chưa đúng đối tượng sử dụng đất”.

Ngày 30/4/2021 Ông Bùi Ngọc D có đơn yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký của ông Lê Văn H tại tờ thuê đất ngày 27/05/2006 và ngày 08/05/2021 ông Diệu có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ phục vụ giám định. Vào ngày 17/05/2021 Tòa án đã ban hành công văn số 311/TA-DS trả lời cho ông D về việc không chấp nhận yêu cầu thu thập chứng cứ của ông theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn bà Đinh Thị Ngọc H đã thừa nhận việc ông H có ký tên vào tờ thuê đất ngày 27/05/2006. Do đó ông Phúc xin rút lại yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký của ông H.

Theo yêu cầu của ông D việc đo đạc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản được tiến hành vào ngày 20/5/2020.

Theo “sơ đồ hiện trạng khu đất” ngày 09/09/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh Chợ Mới thì phần đất tranh chấp được xác định ở các điểm 1,2,3,4,5,6,7 có diện tích 1.761,9m² nằm trong GCNQSDĐ số 05147 ngày 09/12/2002, do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp cho Ông Bùi Ngọc D.

Căn nhà của bà H có diện tích 112,8m² ở các điểm 8,9,1,11,12,13,14,15 nằm trong GCNQSDĐ số 05147 ngày 09/12/2002, do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp cho Ông Bùi Ngọc D.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2020 do Tòa án nhân dân huyện C lập đã thể hiện:

01 căn nhà chính (kết cấu nền lát gạch men, mái lợp tol, vách tol, cột gỗ, khung gỗ, kết cấu không đồng bộ, trong nhà có xây kệ bếp, lát gạch); 01 căn nhà phụ gắn liền với căn nhà chính (kết cấu nền lát gạch men, mái lợp tol, vách đúc, cột gỗ, khung gỗ); 01 nhà vệ sinh gắn liền với căn nhà phụ (kết cấu ốp gạch, vách tường, hệ thống thoát nước hoàn chỉnh).

Trên đất có các cây trồng: 71 cây xoài từ 08 năm tuổi trở lên; có 90 cây từ 06 năm tuổi trở lên; sa ri 01 cây từ 08 năm tuổi trở lên, măng cầu 06 cây từ 04 năm tuổi trở lên.

Mai vàng 15 cây từ 08 năm tuổi trở lên và các loại cây trồng khác.

Theo biên bản định giá ngày 20/5/2020 thì: Căn nhà chính và nhà phụ có giá trị xây dựng là 2.773.000 đ/m², giá trị sử dụng còn lại là 25%, Nhà xây dựng khoảng năm 1970. Nhà vệ sinh có giá trị xây dựng là 3.544.000đ/m², giá trị còn lại là 65%, xây dựng cách đây khoảng 06 năm.

71 cây xoài từ 08 năm tuổi trở lên có giá 2.400.000đ/cây.

Mãng cầu 06 cây từ 04 năm tuổi trở lên có giá 330.000đ/cây.

Chanh 30 cây từ 02 năm trở lên có giá 165.000 đ/cây.

Mai vàng 15 cây từ 08 năm tuổi trở lên có giá 500.000đ/cây.

Cóc 90 cây từ 06 năm tuổi trở lên có giá 480.000đ/cây.

Sa ri 01 cây từ 08 năm tuổi trở lên có giá 550.000đ/cây.

Bông trang 20 cây từ 03 năm tuổi trở lên có giá 250.000đ/ cây.

Mận 01 cây từ 02 năm tuổi trở lên có giá 225.000đ/ cây.

Phần đất tranh chấp có giá trị 2.000.000đ/m²

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Bùi Ngọc D về việc buộc bà Đinh Ngọc H cùng với ông Lê Văn H, anh Lê Văn Th, chị Lê Thị Thúy Huỳnh phải di dời nhà và 30 cây xoài để trả lại cho công phần đất có diện tích 1.761,9m²

Hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05147 ngày 09/12/2002, do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp cho Ông Bùi Ngọc D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá tài sản, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03 tháng 01 năm 2022 nguyên đơn Ông Bùi Ngọc D kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Đinh Ngọc H cùng gia đình có trách nhiệm tháo dỡ, di dời nhà tạm và cây trồng đã bao chiếm của ông. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: ông D có nộp giấy xác nhận của chính quyền địa phương. UBND cho rằng cấp không đúng đối tượng là không đúng vì việc cấp GCN cho ông D được công khai niêm yết đúng quy định

trong thời hạn luật định. Hợp đồng thuê đất bà H cũng biết, nếu đất bị đơn thì không phải ký HĐ thuê đất nữa. Đề nghị xem xét lại bản án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D. Do Tòa án sơ thẩm chưa thụ lý đối với yêu cầu phản tố của đương sự lại hủy giấy của nguyên đơn là vi phạm thủ tục tố tụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: bà H sử dụng từ năm 1970, trước đây là đất hoang hóa, ông D không ở phần đất này, ông ở cách 2 cây số nhưng bà H sử dụng ông D không ý kiến. Năm 2002 là cấp đại trà nên ông D kê khai nên được cấp và UBND cũng có văn bản trả lời cấp sai đối tượng, ông H là rể nên ký giấy đó bà H cũng không biết. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên toà phát biểu: Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Theo Công văn số 1075/UBND-NC ngày 03/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C thì năm 2001, Ông Bùi Ngọc D làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại ấp An Thái, xã H với diện tích 1761.9m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm. Nhưng diện tích đất này Ông Bùi Ngọc D không trực tiếp sử dụng, mà do mẹ con bà Đinh Ngọc H quản lý sử dụng từ trước 1975 liên tục cho đến hiện nay. Tại thời điểm Ông Bùi Ngọc D kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì diện tích đất trên do bà Đinh Ngọc H đã quản lý và sử dụng ổn định từ trước đó rất lâu, cho nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05147, diện tích 1761,9m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 60, thửa số 19 do Ông Bùi Ngọc D đứng tên là chưa đúng đối tượng sử dụng đất. Mặt khác, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2020 thì căn nhà bà H đang ở có kết cấu tương đối đồng bộ và kiên cố bao gồm những loại vật liệu như xi măng, cốt thép nhà vệ sinh, không phải là nhà tạm đơn sơ. Trên đất bà H cũng trồng nhiều loại cây trồng có tuổi đời từ 08 đến 10 năm tuổi. Như vậy, bà H và gia đình đã có quá trình sử dụng đất lâu dài, ổn định chứ không phải tạm bợ như ông Diệu trình bày. Ngoài ra, ông D kháng cáo vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ ông là bà Đoàn Thị Nhan tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, việc cấp giấy chứng nhận cho ông D là cho cá nhân ông D, không phải cho hộ gia đình nên việc đưa vợ ông D vào tham gia tố tụng là không cần thiết. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Ông Bùi Ngọc D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo khoản 3 Điều 26; Điều 34, 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù phần đất tranh chấp ông D đã được cấp GCNQSDĐ nhưng ông không có quá trình sử dụng đối với phần đất này mà do gia đình của bà H sử dụng từ những năm 1970, chứng cứ được thể hiện bằng việc cha mẹ của bà H đã cất căn nhà từ những năm 1970 và bà H cùng cha mẹ

của mình đã ở ổn định trên phần đất này. Điều này đã được thể hiện bằng biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2020. Căn nhà bà H đang ở có kết cấu tương đối đồng bộ và kiên cố bao gồm những loại vật liệu như xi măng, cốt thép nhà vệ sinh, không phải là nhà tạm, đơn sơ như lời trình bày của ông D trong đơn khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H có cung cấp sổ hộ khẩu cấp từ năm 1993. Chứng minh gia đình bà H ở phần đất này từ trước năm 1993. Phần đất này bà H trồng rất nhiều loại cây trồng khác nhau và có tuổi đời từ 08 đến 10 năm tuổi. Điều đó cho thấy bà H và gia đình của mình đã có một quá trình sử dụng đất ổn định và lâu dài. Ngoài ra, ông D cho rằng bà H đã mượn đất của ông từ năm 2011 nhưng ông lại xuất trình hợp đồng thuê đất giữa ông và ông H ký tên vào năm 2006 điều này mâu thuẫn với lời trình bày của ông nên Hợp đồng thuê đất không có giá trị.

Lời khai của hai người làm chứng là ông Bùi Ngọc Giao và bà Bùi Thị Thu Hà là anh và em ruột của ông D cũng không rõ ràng, cụ thể chỉ xác định là nguồn gốc đất do mẹ là bà Lê Thị Lành để lại cho ông D làm đất hương hỏa và ông đi kê khai đăng ký QSDĐ vào thời gian nào thì ông, bà cũng không biết và không biết quá trình sử dụng đất của các bên .

Ngoài ra, trình tự cấp GCNQSDĐ cho ông D cũng không đúng quy định của pháp luật, phù hợp với công văn số 1075/UBND-NC ngày 03/06/2021 UBND huyện C cũng đã xác định: “...việc cấp GCNQSDĐ số 05147 diện tích 1761,9m² đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 60, thửa số 19 do Ông Bùi Ngọc D đứng tên là chưa đúng đối tượng sử dụng đất”.

Bởi các căn cứ như trên, Tòa án sơ thẩm chấp nhận không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do ông D là người cao tuổi nên không phải chịu án phí.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I/ Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ông Bùi Ngọc D.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Bùi Ngọc D về việc buộc bà Đinh Ngọc H cùng với ông Lê Văn H, anh Lê Văn Th, chị Lê Thị Thúy

Huỳnh phải di dời nhà và 30 cây xoài để trả lại cho công phần đất có diện tích 1.761,9m².

Hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05147 ngày 09/12/2002, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Ông Bùi Ngọc D.

2. Về chi phí tố tụng: ông D phải chịu tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ là 3.137.000đ theo “hóa đơn ngày 23/9/2020” và “biên bản quyết toán” ngày 20/5/2020 mà không được bà H hoàn trả lại.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Miễn tiền án phí cho Ông Bùi Ngọc D.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh An Giang; (1)
- VKSND tỉnh An Giang; (1)
- Cục THADS tỉnh An Giang; (1)
- Đường sự (6)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) (MTTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thanh Duyên